

Tác Giả và Tác Phẩm

Thúy Sơn

Tiểu sử

Tác phẩm



ảnh Quang Nhân

Mục Lục

Bên dòng sông Trà – 2
Phố cô đầu Khâm Thiên - 7
Nợ đời con chuột - 11

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Bên dòng sông Trà

Từ con đường ở cuối nhà thờ ra, tôi mới đạp xe đến ngã ba giữa làng, con đường này thường gọi là "đường kiệu" dài chừng vài trăm thước cũng rộng rãi và cao ráo như con đường làng. Nó cũng là con đường độc nhất của họ Tiền Môn, mà con đường làng này cũng là con đường độc nhất của làng tôi. Khởi đầu từ dốc đê sông Trà Lý, đi qua giữa làng đến trước cửa đình làng An Liêm. Ở đây là con đường của thôn này, một lối đi vào xóm, còn một lối đi ra chợ cầu, có con đường dây thép liên tỉnh, từ Nam Định qua.

Con đường làng tôi băng qua giữa làng, nên chia làng An Lập ra làm hai khu. Phía bên trái là khu tây, nên gọi là Tây Làng. Còn khu bên xóm nhà tôi là khu đông, nên có cái tên nôm na là xóm Bến Đông. Ở ngay bờ ao nhà tôi có một con sông đào, và cây cầu bắc ngang, bên kia cầu là xóm Đồng Bui, thuộc xã An Liêm.

Khi tôi đến gần cửa "Đình Đồng" thì thấy cụ Trùm Lý đang đứng ở dưới bụi tre bên đường hóng mát, tay cầm chiếc quạt nan phe phẩy. Trời tháng sáu, nắng hè chói chang, không một áng mây. Thỉnh thoảng mới có một cơn gió mồm côi lướt qua, chỉ đủ làm rung động những ngọn tre bên đường. Cụ Trùm Lý có thói quen, cứ buổi trưa hè nóng nực, cụ thường ra ngoài đường để đón gió.

Cụ tuy đã xấp xỉ tuổi "nhĩ thoản", nhưng hầy còn tráng kiện lắm, nước da hồng hào, tóc râu tuy đã nhuộm màu muối tiêu. Có thể nói chữ nghĩa cụ uyên thâm vào bực nhất trong vùng. Năm 1919 cụ có dự khoa thi Hương cuối cùng của triều đại Hán học, nhưng không đỗ. Cụ về làng làm Lý Trưởng, và làm Trùm Họ Tiền Môn, nên người làng quen gọi cụ là cụ "Trùm Lý". Đó là gọi tắt hai chức vụ Trùm họ và Lý trưởng. Làng tôi cũng như phần nhiều làng xã miền bắc, có cái tục lệ kiêng tên. Ít người dám gọi tên cúng cơm của nhau ra Chẳng biết có phải là một mỹ tục hay không? Tôi chỉ thấy người ta gọi nhau là: ông Lý, ông Phó, ông Xã, ông Trùm... Thậm chí có những người không có địa vị trong họ, ngoài làng, thì người ta gọi bằng cái nghề của người đó, như nghề thợ mộc, thợ may, đóng cối... Cũng được gọi là ông phó: phó mộc, phó may, phó cối ...

Có người bảo trong làng có cả đồng ông lý, ông phó, thì làm sao mà phân biệt được?

Vâng! vì thế mới có danh xưng ông lý cừu, ông lý mới, ông lý cừu, ông lý bá...Cụ Trùm Lý cũng vậy người ta gọi cụ là cụ Trùm Lý, để phân biệt với với cụ Trùm Chánh, cụ Trùm Chỉ, cụ Trùm Phó...

Công việc làng, việc nước, hay nói chung là các chức vị trong hương thôn, thì chỉ làm việc sau năm năm là mãn hạn. Còn nếu có khả năng, có sức làm mà "cổ đấm ăn xôi" làm thêm năm, ba năm nữa để kiếm tí phẩm hàm, thì được gọi là ông Lý Cừu, hay ông Lý Bá. Tùy ở bằng sắc nhà Vua ban. Thí dụ chỉ là một hương chức trơn, không có bằng cấp gì, thì được thưởng hàm Cừu Phẩm Bá Hộ. Còn nếu có bằng cấp như Khóa Sinh, sau này là bằng Sơ Học trở lên, thì được thưởng hàm Cừu Phẩm Văn Giai.

Phẩm hàm thì có ba loại: Văn Giai, Bá Hộ, và Quân Công. Văn Giai là để thưởng cho những người có bằng cấp. Còn Bá Hộ thì để thưởng cho các hương chức, nói chung gọi là "hàng hào". Riêng Quân Công, thì dành cho những quân nhân. Theo Quan Chế thì mỗi loại chỉ hơn nhau có một bực. Như tòng cừu phẩm Văn Giai, thì trên tòng cừu phẩm Bá Hộ, và tòng cừu phẩm Bá Hộ thì chỉ trên tòng cừu phẩm Quân Công. Nhưng các cụ nhà ta lại có cái tính "lấy thịt đè người", nên ở làng tôi đã xảy ra một câu chuyện cười ra nước mắt là:

Có một ông cụ chiến binh Pháp, trong thời kỳ đệ Nhất Thế Chiến. Khi giải ngũ được thưởng hàm Chánh Cửu Phẩm Quân Công. Cứ theo quan chế thì chánh cửu phẩm, dù là Quân Công, cũng còn hơn cả tòng cửu phẩm Văn Giai hay Bá Hộ. Nhưng ông chánh cửu nhà ta không có tiền khao vọng, nên trong bảng danh sách ở làng ông đã phải đứng sau tòng cửu phẩm Bá Hộ. Ông không chịu, nên phải đưa đến cửa quan. Ông Tri Huyện lại phán cho ông một câu:

- "Quân Công kém Bá Hộ hai bậc."

Thế là ông chánh cửu phẩm Quân Công hậm hực, ôm mối tức bực về nhà. Cho nên người ta bảo: "Phép vua thua lệ làng" là vậy.

Thấy cụ Trùm Lý, tôi xuống xe chào cụ, rồi dựa xe vào gốc tre nói chuyện cho đỡ buồn. Cụ không những là bạn thân của ông già tôi, mà còn là ông thầy dạy chữ Hán của tôi hai ba keo. Tôi nói hai, ba keo, là đã nhiều lần tôi nhập môn cụ. Lần thứ nhất là tôi lên 5 tuổi, gọi là học vỡ lòng.

Một buổi sáng đầu năm, có lẽ là vào ngày mồng mười gì đó. Trời lâm râm mưa phùn. Mẹ tôi mặc quần áo cho tôi chỉnh tề, rồi bảo anh người nhà ở năm nhà tôi:

- Hôm nay ngày khai trường, anh công em lên cụ Trùm Lý cho nó học.

Thế là tôi được ngồi trên lưng anh Sắc. Anh này đến ở nhà tôi từ lúc anh còn nhỏ. Nay anh đã 17, 18 tuổi, có thể trông coi ruộng nương, đồng áng cho nhà tôi được rồi. Anh rất vui tính, thật thà và chăm chỉ, chịu khó. Một tay tôi ôm cổ anh, còn một tay tôi cầm ộ Anh thì một tay đỡ mông tôi, còn một tay anh xách buồng cau và chai rượu đế, mà mẹ tôi đã gói vào chiếc khăn đen bằng láng chéo, bà thường đội đầu.

Theo tục lệ ở nhà quê là như vậy. Ngày khai trường thì thầy đồ cũng làm long trọng lắm. Dường như cũng có thông báo bằng miệng từ trước, là ngày nào thầy khai giảng, thì các học sinh phải mang lễ vật đến. Buổi đầu thì chưa có học hành gì. Các học sinh được ăn một bữa cỗ no nê, rồi về. Ngày mai mới là ngày chính thức khai giảng.

Buổi học đầu tiên của tôi gọi là học "vỡ lòng". Học hết 24 chữ cái, rồi đến vần bằng, vần trắc. Nhưng chưa tới vần trắc thì đã nghỉ, vì trời mưa nhiều quá, rả rích cả ngày, hàng tháng không thấy ánh mặt trời. Hơn nữa, ngày nào anh Sắc cũng phải công đi, công về nên mẹ tôi bảo: "Cho nó ở nhà, đến hè này ông ngoại rước ông đồ về nhà, cho nó sang học khỏi mất công."

Tôi ngồi nói chuyện với cụ Trùm Lý gần hai tiếng đồng hồ. Khi bóng chiều đã nghiêng về phía tây, làm cho những bóng râm bên đường đã xê dần dần đến chỗ chúng tôi ngồi. Tôi toan đứng dậy để đi mua mấy thỏi cao dán nhọt cho ông già. Người ta nói chỉ có cao của ông Lang Phát ở Tây Làng là hiệu nghiệm. Bất kỳ nhọt gì, dù lớn nhỏ, độc địa thế nào cũng chỉ dán vào vài ngày là khỏi. Cụ Trùm Lý đưa mắt hỏi tôi:

- Mình có biết ngôi mộ này không?

Vừa nói cụ vừa chỉ vào nấm mộ ở trước mặt, gần ngay bên cạnh con đường làng, chỉ cách chừng hai thước tây. Chung quanh ngôi mộ là nước, vì ngôi mộ nằm chơ vơ ngay ở giữa vũng nước. Một góc mộ đã phơi ván rạ Con đường làng tôi không giống như những con đường của các làng xã khác. Vì là đất công, nên người ta có quyền đào hai bên đường để đắp lên cho cao. Từ con đường làng có những đường nhỏ đi vào từng xóm, nên đường trông trải thoáng mát.

Ngôi ở đây, có thể nhìn suốt ra chân đê về bên trái, và nhìn về bên phải thì qua Đình Đồng, rồi đến tam quan, có thể nhìn thẳng ra cánh đồng làng, và đồng sau chùa Rèm nữa. Cụ nói:

- Ngôi mộ này là ngôi mộ bốn đời của mình đấy. Hồi đó chưa có nghĩa trang, nên ai muốn táng ở đâu thì táng. Nhiều thầy địa lý nói. Nhà mình càng ngày càng phát đạt cũng nhờ ngôi mộ này. Cụ nói tiếp:

- Từ ngôi mộ này trông thẳng vào khu xóm Tây Làng, chỉ cách có mấy mảnh ruộng là mộ của ông Hoàng Giáp.

- Con có nghe người ta nói: Ngôi mộ của ông Hoàng Giáp chôn trên một thửa đất công độ mốt sào, gọi là "cắm địa" có phải không ạ?

- Đúng rồi! Cách cắm địa một trăm thước tạ Có điều thầy địa lý nói: "Nếu ngôi mộ này mà phạm thì con cháu có người loạn luân đấy!"

Tôi giựt mình, suy nghĩ và hỏi lại cụ:

- Thưa, ngôi mộ này sao lại đào mà để hở cả ván ra thế kia ?

- Thì cũng là tại ông rể của cụ Điều đấy. Ông bắt dân làng phải đắp đường rộng rạ Vì hai bên đường đều là công điền cả, nên họ có quyền đào tự do, vô tội vạ, miễn là có đất đắp lên đường thì thôi.

Có người bảo họ muốn "chơi" cha con mình đấy.

Ý cụ muốn nói "họ" đây là ông chú rể tôi, đang làm chánh tổng. Tôi nhìn kỹ lại ngôi mộ thì quả nhiên chung quanh đã đào xén, chỉ còn chơ vơ ra một ngôi mộ, như một con trâu nằm. Bốn bề đều là nước cả, lơ thơ chỉ còn một vài cụm tre mai, để giữ cho khỏi sụt lở to ra. Ông cụ bảo:

- Hồi năm kia đắp đường, ông cụ Điều đã định cải táng về nghĩa trang. Nhưng thầy mình không chịu, vì nhiều người nói: "Ngôi mộ này táng được địa thế rất tốt." Này nhé, mình trông:

Nếu ta đứng ở đây, nhìn về phía bắc, thì có phải ngôi mộ nằm bên trái con đường làng, và cách mấy bước thì có ngôi Đình Đồng này. Còn nhìn về phía trái ngôi mộ, thì cách xa một trăm thước là cắm địa. Còn ngay cạnh con đường làng này đều là hào sâu. Họ bảo đó là "Tả thanh long, hữu bạch hổ". Đặc biệt ngôi mộ nằm ngay chính giữa làng. Chung quanh là điền địa, chẳng có nhà cửa, hay một ngôi môi nào kề cận. Ngoại trừ ngôi mộ ông Hoàng Giáp.

Tôi hỏi: Thưa Ông!

Thường thì tôi hay gọi bằng cụ, nhất là những nơi công cộng. Nhưng thỉnh thoảng thân mật tôi gọi bằng "Ông". Vì hồi còn đi học với mấy người anh họ tôi, các anh này là cháu gọi cụ bằng "Ông cậu", nên họ phải gọi cụ là ông. Tôi quen miệng cũng gọi bằng ông cho thân mật. Xem ra cụ cũng thích như vậy. Lần này để lấy lòng cụ, cho cụ tuôn ra những điều bí ẩn của cuộc đời, mà tôi tò mò muốn biết. Tôi nói:

- Thưa ông, thế bây giờ mình sửa sang lại, và xây ngôi mộ này lên cho đẹp để khang trang có được không?

- Tớ cũng có bàn với thầy mình rồi. Nhưng ông ta bảo sợ người ta nói mình tin ở đất cát. Mà điều đó thì các "cha" tối kỵ.

- Con nghĩ mộ tổ nhà người ta, người ta xây, chứ mắc mớ gì tới các cha, các cụ, tới đạo giáo, mà các cha ngăn cấm không cho ?

- Ủ! Đáng lý ra thì như vậy. Nhưng mình cũng thấy đó! Hồi năm kia, khi cải táng đến ngôi mộ của ông Trương Văn Ân, thân phụ của Trương Tiến Đạt. Lúc mở nắp quan ra, thấy đất kết, bó chặt lấy thân người như sáp ong, nên tớ lại bảo họ đập lại và lấp đất như cũ.

Nên sau này con cháu ông Ân phát đạt đấy.

Cụ Trùm Lý ngồi xích lại gần gốc khóm tre cho đỡ nắng. Buổi chiều đã nghiêng về phía dòng sông Trà Lý. Một vài người bán buôn đi chợ xa, đã thấy lác đác quang gánh quẩy về. Họ là những người bên huyện Thu Trì, đi buôn bán mãi tận chợ phủ Tiên Hưng, hoặc chợ Bơn, chợ Khuốc..., giờ này họ mới về. Một cơn gió nhẹ rung động những bụi tre bên đường, làm mấy lá tre khô rơi lá tả như những cánh hoa trắng bạc, cong queo rơi xuống mặt nước, làm gợn sóng như thiếu nữ cau mày.

Lũy tre dày đặc này là hàng rào ngăn cách con đường làng với khu gia cư của ông cố Đức Giám Mục Trương Cao Đại, mà nhiều thầy địa lý nhìn ngắm, họ cũng cho là một khu dương cư "đắc địa". Cụ Trùm giải thích: - Này nhé! Nếu ta đứng ở cổng khu nhà này mà nhìn ra Thì bên phải là ngôi Đình Đồng, chỉ cách có một cái ao, còn bên trái là con sông Trà Lý, nước cuộn cuộn xuôi dòng. Các thầy địa lý gọi là Thanh Long đó. Họ phán: "Đất này con cháu ắt có người làm tới tổng đốc, thượng thư.." Lúc này Đức Giám Mục Trương Cao Đại còn là một thầy dòng, chưa có thụ phong Linh Mục. Cho nên không tin vào đất cát, phong thủy cũng không được. Cụ Trùm Lý nhìn về phía bờ sông Trà Lý, thấy chiếc xe kéo ông chánh tổng bắt đầu xuống dốc. Cụ đứng dậy nói:

- Thôi mình đi về, không lát nữa gặp ông ấy đi qua, lại mất công chào.

Tôi cũng dắt xe đạp đi theo cụ một quãng, khi cụ rẽ vào con đường xóm để về nhà. Tôi chào cụ rồi mới lên xe đạp vào khu nhà thờ Tây Làng để mua cao. Đi qua phía bên cạnh nhà thờ, qua một bờ hồ rộng lớn thì đến nhà ông Lang, ở sát ngay con đường bờ hồ. Có giậu tre gai kín mít, chỉ chừa một cái cổng tre vừa một người đi lọt. Tôi đứng ngoài cổng gọi vào, một cô bé độ 12, 13 tuổi chạy ra Tôi nói mua một miếng cao dán nhọt. Cô toét miệng ra cười, ù té chạy vào nhà, lấy ra một thỏi cao bằng ngón tay đưa cho tôi. Tôi vừa cầm thỏi cao, một tay móc tiền, tôi hỏi:

- Bao nhiêu tiền đây Cô ?

Cô bé lại toét miệng ra cười, nhìn tôi nói:

- Một xu thôi à! Tôi đưa đồng xu cho cô bé, và nhìn theo cô chạy vào góc sân. Thì ra cô đang giã cua đồng. Mấy con chó cũng chỉ gầm gừ lúc ban đầu, giờ đã cụp đuôi lại, nằm mỗi con một xó.

Tôi đạp xe về ngang qua cửa Đình Đồng, nhớ đến khóm tre mà tôi vừa ngồi nghỉ mát ở đây. Tôi nhớ đến lời cụ Trùm Lý nói về ngôi mộ tổ tứ đại của tôi. Lòng tôi bán tín, bán nghi Nhưng cũng lo lắng và thắc mắc mãi về câu. "Mộ tổ động thì con cháu có tai họa." Tôi định về bàn với thầy tôi để xây đắp lại ngôi mộ đó. Tôi sẽ thuê người đổ đất chung quanh cho rộng lớn, và xây một ngôi mộ bằng đá thật đẹp. Phía đầu ngôi mộ cũng có một Thánh Giá và một tấm bia bằng

đá nhỏ ở cuối mộ. Người ta bảo mộ không được xây kín mít phía trên mặt, vì phải để trống cho hai khí âm dương giao hòa. Trên mặt mộ chỉ có thể trồng cây nhỏ, loại tiểu thảo được thôi. Người nhà quê thường hay trồng cây vạn tuế trên mộ, vì giống cây này sống lâu năm. Một vạn năm mà!

Về nhà, tôi lấy một miếng giấy bản, cắt thành hình bầu dục, như một cái lá mít nhỏ, ở giữa cắt một lỗ tròn bằng đầu ngón tay. Tôi lấy thoi cao hơn lên ngọn đèn cho cháy miếng giấy báo bọc thoi cao, tức thì miếng cao màu hồng hồng cháy rạ. Tôi trát cao vào miếng giấy bản, rồi hơ nóng lên, dán vào mụn nhọt. Thầy tôi bảo:

- Cao của ông này hay lắm đó, chỉ vài ngày là khỏi. Nếu mụn nhọt mới lên thì tan ngay. Còn nếu đã già đang nung mủ thì vỡ rạ. Ông nói tiếp:

- Làng mình có nhiều người nổi tiếng lắm đó. Cao trị nhọt, thì ông Lang Phát là nhất. Còn trị gãy xương, trật xương, thì ông Chánh Hằng. Ông Hằng mấy đời gia truyền môn thuốc này. Nhiều người ở xa xôi tận Quỳnh Côi, Phụ Dực cũng vớng cẳng bệnh nhân đến. Gãy xương cánh tay, hay chân, ông chỉ cho thuốc vào lấy thanh tre bó lại, mấy ngày là khỏi. Trừ phi để lâu ngày thối thịt thì mới hết chữa. Không như mấy ông thầy thuốc tây, động một tí là cưa đi.

Thầy tôi tỏ ý muốn ngồi dậy. Tôi lấy cái gối bông chèn vào thành giường, để cho ông ngồi dựa lưng vào.

Ông thờ mạnh một cái, nói:

- Trời! Mấy ngày nay cứ nằm ê ẩm cả mình mẩy. Giờ được ngồi một tí dễ chịu quá.

Hoàng hôn đang rủ xuống mọi nhà. Xa xa những cánh chim trời bay về tổ ấm. Ngoài đường, những người làm đồng đang tập nập kéo nhau về, chuyện trò vui vẻ. Cô Thu đi ngang qua, nghe tin thầy tôi bệnh, nên ghé vào thăm. Cô là con út bà cụ Tổng Hai. Bà là vợ thứ hai của cụ tổng người Thôn Liêm. Tuy rằng khác xã, khác thôn, nhưng nhà cụ ở gần ngay đầu nhà thờ họ Tiên Môn, chỉ cách chừng năm chục thước đường chim bay. Thỉnh thoảng đẹp trời, tôi có leo lên ngọn tháp nhà thờ cao hơn ba chục thước tây. Nhìn xuống nhà bà tổng, như ngay ở đầu nhà thờ. Cụ tổng là anh ruột của bà ngoại tôi. Đáng lẽ ra chúng tôi phải gọi các con cụ là bác. Nhưng không hiểu sao mẹ tôi lại gọi họ là các cậu. Cậu Lý Thận, cậu Trần, cô Thu, cô Huệ...Nên chúng tôi cũng theo cái "đà" đó mà gọi cho tiện việc sổ sách. Nhất là hồi mấy năm trước. Tôi còn học trường làng cùng với cô Thụ Mới đầu chúng tôi chưa biết nhau, chưa quen thân. Theo luật nhà trường phải gọi nhau là anh, là chị. Nhưng mấy hôm sau, mẹ tôi cắt nghĩa tôi mới hiểu. Ra trường tôi không dám gọi bằng chị nữa mà gọi bằng cô. Cô cười bảo tôi:

- Ai dạy mà lễ phép thế?

- Mẹ tôi nói, đáng lẽ tôi phải gọi cô là bác mới đúng qui tắc... tam suất.

- Đừng bày đặt. Tôi tuổi Tuất, còn kém Thế một tuổi. Cứ gọi tên cho nó thân mật. Chừng nào có người lớn, thì mới đứng đắn! Nhé! Nhớ nghe không?

Thế là từ đó, lúc vắng người lớn. Cô gọi tôi bằng cái tên cúng cơm của tôi, và xưng là "mình". Như: "Mai đi học đem cho mình mượn tờ báo Cậu Ấm nhé!" Còn tôi thì chỉ dám gọi bằng cô. Có hôm vắng vẻ, cao hứng tôi gọi là "Em Thu". Cô cốc vào đầu tôi một cái và la: "Dám gọi là em hả?" Tôi vừa xoa đầu vừa kêu: "Con gái đánh không có đau." Ấy câu chuyện giỡn cợt của chúng tôi chỉ có giới hạn đến thế. Nhưng mà cô thì lại có ý nghĩ sâu xa hơn. Ý nghĩ của một cô

gái 13 tuổi, mới chớm "dậy thì". Đi học đã bắt đầu biết làm đóm, làm dáng rồi. Ăn mặc chải chuốt, lúc nào cũng quần chỉ đen, áo cộc vải "phin" trắng nõn. Trên đầu cài một cái lược đồi mồi giả cong cong, úp lấy mái tóc ngược ra phía sau. Đầu đội nón lá chứ không để đầu trần phơi mái tóc bù xù ra.

Trong túi, chẳng mấy hôm là không có quà cho tôi. Khi thì mấy quả ổi, quả hồng, quả táo. Cũng có lần cô đưa cho tôi một gói kẹo. Gọi là kẹo, thì cũng không đúng, vì miền quê tôi gọi là "sâu". Người ta làm bằng cơm nguội phơi khô, rồi giã thật nhỏ, trộn ít đường, ít muối và cho hồ vào, nắn lại như là một con sâu dâu, hay mỏng mỏng như là móng tay. Đem chiên mỡ lên, ăn cũng giòn giòn, ngọt ngọt. Thích hợp với khẩu vị của những đứa trẻ hau ăn. Tôi làm bộ nói:

- Ăn sâu liệu có bệnh không?

- Không chết đâu mà sợ. Cứ ăn đi, mình bỏ thuốc mê rồi đấy.

Tôi vừa cho mấy con sâu vào miệng nhai rau raù, vừa nhìn cái dáng đi hấp tấp của cô đi trên con đường làng cát bụi. Gió chiều lay động cánh đồng lúa xanh rì, xào xạc phát phơ, như một tấm thảm nhung mượt mà xa tít mù khe...

Phó cô đầu Khâm Thiên

Đúng như nhà văn Diệu Tần đã nói: "Ở thế hệ 20, 40 hay 60, chẳng mấy người biết đến phó cô đầu Khâm Thiên nó "nằm" ở chỗ nào?" Người viết có cái may mắn là vào những năm 1949, 1950 trong giai đoạn chiến tranh Việt Pháp khốc liệt đã phải chạy vào Hanoi, để cầu sinh lộ. Bởi lúc đó những thanh niên, hoặc những người có máu mặt, nếu còn ở lại nhà quê thì phải chịu cái cảnh một cổ hai tròng. Có làng thì ban ngày theo quốc gia, hay nói cho đúng ra là theo Pháp, đã có Pháp đóng đồn bảo vệ. Nhưng ban đêm thì Việt Cộng mò về tuyên truyền, thu thuế và bắt thanh niên, trai tráng đi tập cầm súng bắn giết, hoặc làm lao công đi tải đạn vượt trường sơn, mà họ gọi là chống giặc cứu nước.

Gia đình tôi mua được một căn nhà nhỏ ở phố Hàng Bột, trên con đường đi vào ấp Thái Hà. Ấp này là những dinh cơ của cụ Hoài Ân Quận Vương Hoàng Cao Khải. Một gia đình dòng dõi quan lại vào bậc nhất miền bắc thời đó. Người ta nói Cụ Quận đáng lẽ được phong tước "Phó Vương". Nghĩa là chỉ đứng sau Đức Đại Nam Hoàng Đế mà thôi. Nhưng trong lúc bầu cử thì một vị đại thần là Cao Xuân Dục, đã khăng khái bác bỏ. Ông viết vào đơn bầu là: "Thiên vô lưỡng nhật. Quốc vô lưỡng vương. Thần Cao Xuân Dục bất cảm ký." Nghĩa là trời không có hai mặt trời, và nước không có hai vua. Tôi: Cao Xuân Dục không dám ký. Thế là Cụ Quận nhà ta mất chức phó vương. Chỉ còn được phong là "Hoài Ân Quận Vương", kiêm nhiệm chức Kinh Lược Sứ Bắc Kỳ. Vì vậy người đương thời gọi cụ là Cụ Quận. Các con cháu cụ thì gọi cụ là "Cụ Tổ". Các ông Tổng Đốc Hoàng Mạnh Trí, Hoàng Trọng Phu, Hoàng Gia Đức, là con cháu cụ. Ngoài ra các quan lại miền bắc, từ tri phủ, tri huyện trở lên đều nằm dưới "trướng" cụ. Cụ sống rất thọ, khi về già, không còn răng phải dùng sữa người "trực tiếp". Đám tang lễ của cụ, xe hơi cứ nối đuôi nhau đi hàng mấy cây số chưa hết.

Mỗi lần đi từ ga Hàng Cỏ về nhà, tôi phải đi qua phố Khâm Thiên. Một dãy phố toàn là nhà hát cô đầu. Gọi là "Cô đầu" hay "Ả đào" cũng vậy. Nhưng gọi là cô đầu nghe nhẹ nhàng, thanh lịch hơn. Còn gọi "ả" nghe có vẻ miệt thị giới nghệ sĩ này quá. Cô đầu có hai loại "Cô đầu hát, và cô đầu rượu." Cô đầu hát là chuyên nghiệp, chỉ có ca hát thôi. Đã có những bài ca trù, mà các thi nhân soạn riêng cho các cô. Nhưng họ cũng phải có những giọng ca thiên phú, tiếng hát trong

trẻ, mạch lạc rõ ràng, lại phải có công khổ luyện. Khổ luyện nghĩa là khổ công luyện tập, chứ không phải khổ luyện là cây xoan ta dùng làm thuốc sát trùng hiệu nghiệm. Mỗi cô ít nhất cũng phải học thuộc nằm lòng mười bài ca gọi là “tử”, của các cụ Tam Nguyên Yên Đổ, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát ...

Cứ vào quăng 8, 9 giờ tối là tiếng đàn, tiếng phách lại nổi lên vang vang ầm ỹ, vọng ra mãi ngoài đường. Những khách bộ hành dù không có sinh với tiếng ca, nhịp phách, cũng vắng vắng bên tai: “Hồng, Hồng! Tuyết, Tuyết! Mới ngày nào chưa biết cái chi chi!... Mười lăm năm thắm thoát có ra gì...”

Người ta kể rằng cụ Nguyễn Công Trứ, lúc còn niên thiếu cũng mê cô đầu lắm. Đến nỗi phải theo cô đầu đi làm công, gánh hòm đồ nghề cho các cô, để có dịp được nghe tiếng hát của các nàng. Một hôm chàng quảy đồ nghề cho nàng đi hát, khi ngang qua khu miếu ở giữa cánh đồng làng Tường Yên thuộc huyện Thư Trì. Ở đây có một tòa miếu cổ chung quanh có nhiều cổ thụ um tùm rậm rạp. Đoàn lũ hành vào nghỉ mệt, cho bớt quãng đường xa. Chàng họ Nguyễn định giờ trò “nài hoa ép liễu”. Nhưng cô nàng không chịu “đền” nên vùng vằng “ứ hự”.

Một thời gian sau, chàng thư sinh họ Nguyễn đỗ đạt, được bổ làm quan. Khi về trọng nhậm tại một huyện gần quê cũ. Tổng lý đem cô đầu đến hát mừng quan mới. Khi nghe cô đầu ngâm câu: “Giang sơn một gánh giữa đồng... Thuyền quyên ứ hự... Anh hùng nhớ chăng?...” Quan lớn sực tỉnh và nhìn kỹ lại thì đúng là nàng rồi. Lần này thì mình có quyền, lại có thể, chắc cô nàng không còn ứ hự nữa, mà có lẽ là ừ hự. Người ta bảo cô này sau được làm quan tất. Nghĩa là một bước nhảy lên làm Nguyễn phu nhân ngay thôi.

Cụ Nguyễn Công Trứ sau này được làm “doanh điền sứ”, mở mang hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải. Vì vậy nên đất Thái Bình, đã nảy sinh ra phó cô đầu huyện Vũ Tiên, chắc cũng là do thừa hưởng cái di sản vui thú ca trù của cụ. Vì vậy nên vào đầu thế kỷ 20, hay nói cho đúng hơn là vào thời gian trước năm 1945, thì miền bắc chỉ có hai xóm Bình Khang nổi tiếng nhất là Khâm Thiên, (Hanoi) và Vũ Tiên (Thái Bình). Hai nơi này tập trung toàn là cô đầu gạo cội cả.

Ngoài cô đầu hát còn có một “giai cấp” cô đầu nữa là “cô đầu rượu”. Hạng này không cần phải biết ca hát, hay đánh phách, gõ nhịp gì cả. Chỉ cần có một tí nhan sắc là được tuyển dụng ngay. Máy cô này được các ông chủ, bà chủ, cho ăn diện rất là mỹ miều, lả lướt, để chiêu chiêu ra phát phơ ngoài cửa chào đón quan viên. Khi có khách thì các cô phải lo phục vụ: rót rượu, và quạt mừng, trải chiếu... Người viết bài khi còn là một học sinh, vào năm 1936, 37 ở trọ nhà một người quen, ở sát vách nhà bà Ký Đường, là nhà nuôi cô đầu nổi tiếng ở phố huyện. Trong số những cô đầu “chanh cốm” nhà bao Ký Đường có cô Khàn là khá nhất, nhỏ nhắn, còn trẻ độ 15, 16 tuổi gì đó. Nét mặt hao hao giống cô ca sĩ Ngọc Hạ bây giờ. Mỗi lần coi Vidio Paris By Night, nhìn thấy hình dáng Ngọc Hạ làm tôi lại liên tưởng đến nàng. Hai người giống nhau đến 8 chục phần trăm. Nhất là cái miệng, chỉ khác có một điều là cô Khàn thì xô lỗ tai thông thường như mọi cô gái miền bắc, nghĩa là xô ngay ở “dái tai”, còn Nhật Hạ thì lại đeo vòng ở phía trên một tí.

Khàn rất hồn nhiên ngây thơ. Không biết nàng có để ý gì chúng tôi không. Nhưng nhiều hôm, những buổi chiều thứ năm, chủ nhật. Ngoài trời mây mù dăng dăng, những cơn gió bắc vút qua làm rơi rụng những lá vàng còn sót trên tàng cổ thụ. Hàng thông hai bên đường phố huyện, theo tiếng gió vi vu, xào xạc như một bản tình ca lối nhịp. Tôi và thằng em họ, đang trùm chăn nằm bò trên giường học bài, thì Khàn ở ngoài chạy vào, leo lên giường rúc vào giữa chúng tôi rồi xuýt xoa: “Trời lạnh quá! Anh ơi! Trời lạnh quá!”... Thế là còn học hành gì được nữa. Chúng tôi gấp sách vở lại, ngồi lên nói chuyện. Toàn là những chuyện trời ơi, đất hời không à! Nhưng nhìn khuôn mặt nàng. Nhìn cái miệng có môi trên chúm chím, nghe nàng kể chuyện tầm phào. Chúng tôi cũng cảm thấy trong lòng xao xuyến và dâng lên một niềm vui dào dạt vô biên...

Khàn hỏi:

- Các anh học làm gì mà học nhiều thế?

Thằng em họ, hơn tôi gần hai tuổi, nên có vẻ khôn lanh hơn tôi nhiều. Nó thả dề, câu tài:

- Chúng tôi phải học gạo. Để mai mốt thi đậu vinh quy, còn có: “Lỡng anh đi trước, vớng nàng theo sau” chớ!

Khàn véo vào đùi nó một cái, nói:

- Liệu đã có vớng đào chưa?

- Tụi tôi còn đang chờ cô đấy!

Năm đó là năm học thi cử của chúng tôi, nên cũng cố gắng xa lánh vòng tình ái. Nên chẳng dám bén mảng gì đến các nàng cả. Mặc dầu thấy các nàng ăn nói có duyên, trang phục trai lơ, chải chuốt, nên trong tâm hồn của các cậu trai quê nhiều phen cũng rạo rức điên đảo. Rồi thời gian trôi qua, năm tháng vơi vợi lòng buồn.

Một hôm tôi đi coi ruộng về, qua xóm Đồng Bùi, nghe tiếng trống phách bên nhà ông chường bạ Tài. Tôi liền vào chơi, ông mời tôi ngồi rồi nói như giới thiệu:

- Mấy cô này là cô đầu bên Bi, Mễ sang chơi (Bi Mễ là tên gọi tắt của hai làng Thọ Bi và Ô Mễ thuộc huyện Thư Trì). Các cô ở lại nhà tôi cả tháng đấy. Cậu có muốn học “gõ trống”. tôi bảo các cô ấy chỉ cho. Mau lắm! Tôi cũng đang học đây!

Sau một hồi chuyện trò. Tôi được biết hai cô này tên là Bình và Thảo. Cả hai đều là cô đầu hát ở phố huyện Vũ Tiên. Quê quán ở làng ông Lý Triêm bên Ô Mễ. Hai cô đều có tuổi xuýt soát ngang nhau, nghĩa là vào quãng đôi mươi. Cô nào cũng kha khá xinh xinh. Chỉ có nước da đồng màu, nên không được trắng trẻo cho lắm. Nhưng cũng chưa đến nỗi nước da “bánh mật”. Thảo thì nhỏ con hơn, mình dầy và có giọng ca rất trong trẻo, cao vút tận mây mờ, như nhà thơ Thế Lữ đã tả: “Khi cao vút tận mây mờ, khi gần vắt vẻo bên bờ cây xanh...” Đúng quá đi chớ! Mấy cô này quen biết với ông Tài, nên thường đến mùa lúa tháng 5 và tháng 10 là sang chơi, ở lại vài tuần giúp đỡ gặt hái. Các cô bảo cũng như người đi “nghỉ hè” mấy hôm cho thay đổi không khí vậy mà! Tôi có hỏi thăm đến đời sống và lối suy tư của những người nghệ sĩ này, các cô cho biết:

- Nghề cầm ca của chúng em, cũng chỉ là cái nghề bắt đắc dĩ mà thôi. Coi như là một nghề tay trái. Phần nhiều vì hoàn cảnh đưa đẩy mà lạc vào thế giới ca trù. Chớ ai cũng mong “tạm trú” một thời gian, rồi có người “rinh” đi. Mình lại sống một cuộc đời xuất giá tòng phu. Cô nào may mắn cũng được một bước nhảy lên làm bà nọ, bà kia. Rồi cũng sinh con đẻ cái như ai. Chỉ trừ những thiên tài đặc biệt, thì nhà chủ cứ giữ chặt như một “bảo bối” để câu khách. Có người suốt một đời mang kiếp cầm ca. Khi đã chiều tàn bóng xế, thì còn mong gì mà kiếm được cái nửa kia của cuộc đời. Nên đành ngậm ngùi ôm mối sầu lẻ bóng, mà nuối tiếc tuổi thanh xuân... Khi ông thân tôi biết chuyện. Sáng hôm sau ông cụ sang nhà ông Chường Bạ chơi, và cho phép tôi được học “gõ trống” cô đầu từ mùa hè năm đó. Năm tôi vừa đúng tuổi “trăng mọc giờ tuất”. Ở quê tôi thường có câu: “Hai mươi tuất rớt, hai mươi mốt nửa đêm”. Nghĩa là đêm 20 thì trăng mọc vào cuối giờ tuất, và 21 thì mọc vào nửa đêm. Ngày nào cũng cứ chiều chiều, tắm rửa xong là lại sang cho các cô luyện. Nào là khổ giáo đầu, khổ sòng, khổ xếp... Tôi phải lấy một mảnh giấy dùng bút chì (thời đó chưa có bút nguyên tử) ghi lại. Cứ tom là chữ “O” mà chát là “X”, gõ vào tang trống. Khổ nào mấy O mấy X, khổ nào mấy X mấy O... Cứ thế mà nhớ.

Khi cô đầu hát đèn khổ nào thì phải đánh trống cho đúng vào nhịp phách, mà cô đầu vừa gõ xuống. Cô đầu thì thường phải ngồi “xếp bằng tròn” dưới chiếu, phách để trước mặt. Phách là một nửa giống tre đực dài độ 20 phân tây. Cô đầu dùng hai thanh như một đôi đũa lớn cũng bằng tre đực, hoặc bằng gỗ lim, đập vào phách nghe lách cách, lách cách. Khi nào cô gõ cao tay phải lên và đập mạnh một cái vào phách, thì người cầm châu phải đập doi châu xuống mặt trống, nghe tiếng “tom” đúng vào nhịp phách. Nếu sai thì gọi là lỗi nhịp. Người cầm châu thì gọi là “quan viên”. Ngày xưa thì ngồi trên sập gụ, nhưng sau này có thể ngồi ngay ở bàn ăn, hay bàn ghế tiếp khách, như “salon” chẳng hạn. Trống là một loại đặc biệt, có người gọi là “trống khẩu”. Tang trống bằng gỗ mít, hay gỗ vàng tâm, cao chừng 20 phân tây, và đường kính độ 18 phân, hai mặt trống bưng kín bằng da trâu, hay da bò rất mỏng.

Khi cầm châu quan viên dùng bàn tay trái đè lên mặt trống, bịt kín chừng 1 phần ba mặt trống

về bên trái, còn hai phần ba phía bên phải dùng doi chầu mà đập xuống. Dùi trống, cũng gọi là doi chầu dài chừng 30 phân tây, bằng gỗ trắc, hay bạch đàn gọt giữa rất nhẵn nhụi. Quan viên dùng tay phải đập xuống mặt trống làm sao cho khi đánh xuống mặt trống chỉ kênh chừng 5, hay 10 độ, và phải hất dùi trống về phía mu bàn tay trái. Như vậy tiếng trống nghe mới kêu giòn. Đó là nghệ thuật của người biết chơi... “cô đầu”.

Ông Tài nói:

- Các cụ ta ngày xưa đánh trống cô đầu, phải nghe tinh nhịp phách, mà đập xuống. Nhiều khi cô đầu lại lẩn phách, nghĩa là gõ không đúng chỗ, thì quan viên rất khó mà đánh, nên phải học nhiều, đi hát nhiều mới điều luyện. Nhưng bây giờ, quan viên cứ học thuộc nhiều bài hát. Khi nghe hát đến đâu thì đập trống xuống. Rất chắc ăn! Nói tóm lại học gõ trống cô đầu, tôi nghĩ còn khó hơn học “nhảy đầm” bây giờ. Ngoại trừ những điệu valse, hay fantasiaie. Các cậu gọi là “phăng” thì mới phải tập luyện lâu dài. Còn chỉ nhảy đủ để... “ngoại giao” thì không khó lắm.

Tôi đọc cho ông Tài nghe một bài thơ trào phúng của Tú Mỡ:

“Cũng ca, cũng hát, cũng tom tom, chát chát xóm bình kang.

“Cũng lên râu cụ lý trong làng, cũng học thói làm sang mời mọc khách.

“Tiếng nhạc, tiếng đàn, chen tiếng phách. Hơi men, hơi thịt, lẫn hơi người.

“Cũng đan tay dùi đục kê vai, cũng đặt hăm một vài câu lếu láo.

“Cũng gọi chủ bắt gà nấu cháo. Cũng quạt màn, trải chiếu. Chị em ơi!...”

Ông Tài lấy giấy viết bài thơ này đưa cho cô Thảo ca.

Cô cầm lấy lăm nhăm một lượt, rồi để bài thơ trước mặt. Cô lấy phách ra gõ, và chỉ cho tôi. Khi nào cô giơ tay phải lên cao, rồi đập xuống phách, thì tôi phải đánh tiếng trống “tom” một cái vào đúng nhịp phách đó.

Sở dĩ mùa hè năm đó, tôi được học đánh trống cô đầu, cũng là có nguyên nhân cả.

Vì, năm ngoái. Tôi nhớ vào một buổi sáng cuối thu. Trời rất đẹp, nền trời xanh lơ lơ, có mây hồng lơ lửng. Gió thu hiu hiu làm lay động những bụi tre già bên bờ ao nghe rì rào, như tiếng lòng thổn thức của thiếu nữ dậy thì. Thầy tôi bảo tôi sửa soạn lên Nguyên Lâm dự đám “Khai hạ” Lý trưởng. Tôi liền mặc quần áo rồi lấy xe đạp đi ngay. Hôm đó lại đúng vào ngày có phiên chợ Khô, nên tôi đi sớm, để vào chợ chơi, đến gần trưa mới vào nhà Lý Hạng. Nguyên Lâm là một xã rất nhỏ, chỉ có chừng non một trăm nhân số, và tư điền cũng chỉ có độ một trăm mà có hàng chục ông điền chủ phụ canh. Đến nỗi có người khôi hài nói xã này như là một tô giới vậy. Người giàu nhất làng cũng chỉ có chừng vài ba mẫu. Nguyên Lâm nhờ vào ngôi chợ Khô, nên trong làng cũng đỡ khổ. Chợ Khô là ngôi chợ khá nhất trong vùng Tiên Hưng, Duyên Hà, chỉ đứng sau chợ Phủ thôi.

Làm Lý trưởng xã Nguyên Lâm là cứ tà tà làm mãi kiếp, vì ít có người có đủ tài lực, vật lực ra đảm đương. Lý trưởng đương nhiệm mới làm được có 6, 7 năm thì bị lao phổi mà đi đời. Phó lý Nguyễn Văn Hạng được “đôn” lên, gọi là thôi bổ. Dù là thôi bổ hay tân bầu thì cũng phải có khao, có vọng. Đó là tục lệ của hương đảng mà! Người ta bảo “Phép vua, thua lệ làng” là vậy. Tiệc khao gọi là “Khai hạ”. Vì thế ngay ở cổng nhà Lý Hạng đã làm một cái cổng chào bằng lá dừa, trên có một tấm bảng bằng giấy hồng điều đề hai chữ : “Khai Hạ” rất lớn bằng Hán tự. Khi tôi vào đến nhà thì thấy mấy người đang sửa soạn cỗ bàn. Khán Lâm thấy tôi thì chạy ra đỡ lấy xe đạp, dựa vào chân giậu trước sân, cách một khu vườn nhỏ. Anh ta dẫn tôi đến một người thư ký ngồi ở một góc sân, để ghi những lễ mừng vào sổ. Tôi vào trong nhà thì đã thấy một số tân khách ngồi. Tôi lựa một bàn ở gian bên cạnh ngồi. Một lát thấy Lý Hạng khăn áo chỉnh tề, đến mời tôi sang bàn giữa. Tôi thấy đã có ba vị ngồi đó là cụ Chánh Bút, chánh tổng sở tại còn hai người kia là ông Hàn Trâm, và ông Cửu Khanh ở Duyên Tục. Tôi e ngại vì mình còn trẻ, mới có 18 tuổi, mà lại ngồi với mấy ông tai to mặt lớn trong hàng huyện, sợ thất lễ chăng? Nên tôi từ chối không sang. Nhưng Lý Hạng nói:

- Mời cậu cứ sang! Chẳng gì cậu cũng là cháu cụ Điều Cố. Các cụ đây là cụ chánh và cụ Hàn thì cậu cũng quen biết rồi. Vừa nói ông vừa kéo tay tôi sang và giới thiệu với ba vị khách kia. Tôi ngồi phía ngoài bên cụ Chánh Bút. Khi bưng cỗ lên, Lý Hạng tự tay mở nút chiếc nậm rượu

“đế “ ra, rót vào bốn cái chén hạt mít. Gọi là hạt mít, vì nó chỉ nhỉnh hơn hạt mít một tí, và trắng toát cả, nên gọi là chén bạch định. Loại chén này chỉ dùng để uống rượu khi có cỗ bàn.

Vừa lúc đó thì một cô đầu đã đứng tuổi và một anh công văn, cỡ ngoại ngũ tuần. Hai người vừa ngồi xuống chiếc chiếu hoa, đã trải sẵn ở giữa nhà. Lý Hạng bưng lại ngay đầu bàn ăn của chúng tôi một chiếc ghế đầu, trên có để một cái trống chầu. Người ngồi đối diện với tôi là ông Hàn Trâm. Ông này tôi có gặp mấy lần, khi tôi qua thăm ông bác họ bên An Lạc, phải đi qua công nhà ông. Sau này thì quen thân hơn, vào năm 1952, khi quân Pháp hành quân qua phủ Tiên Hưng thì gia đình ông Hàn Trâm phải chạy xuống Thái Bình, tạm trú tại đền Mẫu. Ban đêm ông thường sang nhà tôi ngủ, để chuyện trò cho vui, vì nhà tôi gần đó. Ông Trâm chỉ hơn tôi chừng mười tuổi, người nho nhã, ăn nói rất có duyên. Ông có người con gái lớn độ 15 tuổi, mũm mĩm như cục bột. Mấy đứa em tôi cứ chọc cô là cục bột.

Theo phép lịch sự thì ông Hàn Trâm nhường cho cụ chánh tổng sở tại, nhưng cụ Chánh Bút từ chối, nói là ông Hàn ngồi ở ngoài thì tiện tay đánh trống. Sau khi nghe một vài bài, ông Trâm đẩy chiếc trống về phía tôi. Tôi không biết đánh, nên từ chối khéo, và chữa thẹn rằng: “Là người công giáo, nên gia đình không cho học đánh trống.” Tôi liền đem trống về bên cụ Chánh Bút. Thế là thoát nạn. Về nhà tôi kể chuyện này cho thầy tôi, nên nhân dịp có mấy cô đầu ở nhà ông Chương Bạ Tài, tôi được tự do học đánh trống. Nhưng ông cụ bảo:

- Học thì học cho biết thôi. Chớ đừng có mê! Ở đời không nên mê một cái gì cả. Ông cụ còn thêm:

- Mê cô đầu cũng như người nghiện thuốc phiện. Hễ đã mắc vào là ruộng ruộng cũng cho đi tuốt luốt luôn.

Tôi học gõ trống cô đầu bên nhà ông Tài được hơn một tuần lễ, đang ngon trớn. Có thể đã cảm châu tạm được, thì ông anh họ tôi nghe tin, ông cũng mò sang học. Không hiểu sao, bà bác tôi biết, bà sang bắt anh về, và bà vào mách với ông nội tôi. Thế là cụ chửi tôi một mẻ, cả thầy tôi cũng bị vạ lây. Ông cụ cấm chúng tôi không được “bén mảng” đến nhà ông Tài. Vì vậy, nên khóa học của tôi bị bãi bỏ ngang xương, làm tôi cứ tiếc ngẩn, tiếc ngơ cả ngày.

Không biết ai đã dậy cô em út tôi, lúc đó mới bập bẹ tập nói. Cả ngày cô cứ lải nhải, mấy câu: “Cô đầu, cô đít, cô đuôi. Anh tôi đi vắng lấy ai nuôi cô đầu...”

Nợ đời con chuột

Ngày xưa còn ở miền Bắc, các vị hương chức, mỗi lần có hội hè đình đám gì thì ăn rồi còn được chia phần mang về một đĩa xôi, một miếng thịt, cho cả nhà vui vẻ, gọi là miếng thịt làng, tuy nó ít nhưng nó hãnh diện, còn hơn là cả một sàng thịt mà bu nó mua ở chợ mang về. Đó cũng là một cái danh, cái lợi. Chớ nếu không làm ông nợ, ông kia thì làm gì được miếng thịt làng mà “xơi”. Vì thế nên cái mâm mồng mua danh mua chức mới phát sinh. Nhỏ thì mua nhỏ, lớn thì mua lớn. Ở thôn quê làng, xã thì mua Lý Trường Phó Lý, còn cao hơn, giàu hơn một tí thì mua Hàn Lâm, Cửu Phẩm. Có bà Lý đi chợ bị mấy anh hàng cá, hàng thịt nói “kháy” nói “móc” nên tức khí về nhà bán ruộng để lo chạy chợ cho chồng cái Hàn Lâm Viện Đãi Chiếu, cũng tiêu từng mấy mẫu tư điền, chớ không ít.

Xin lỗi các cụ, tôi đã kể lang bang đi đâu rồi. Đề tài của tôi là “con chuột”. Năm con chuột thì phải nói chuyện con chuột chớ ai lại đi nói chuyện con chó con mèo bao giờ. Để cho câu chuyện ăn nhập vào đề tài ngay. Tôi xin kể hầu các cụ câu chuyện về con chuột đã cứu mạng cho một vị Chánh Tổng. Truyện có thật tới 80 %, nhưng vì một số nhân vật còn sống, nên tôi xin phép được đổi địa danh và nhân tánh của những người trong cuộc. Tuy nhiên nếu còn những sơ sót ngoài ý muốn, xin quý cụ cũng lượng thứ cho.

Câu chuyện bắt đầu:

Vào một buổi chiều Thu đẹp trời, có nắng vàng chan chứa đổ xuống cánh đồng lúa đơm bông hương thơm ngào ngạt. Ông Chánh Lưu (tôi tạm đặt tên cho ông là Lưu-Trần Đình Lưu) Khi ông vừa đi thăm đồng về, thì leo lên chiếc võng gai bắc chéo ở góc gian nhà phía bên trái. Căn nhà hướng Nam, quay mặt ra chiếc sân gạch Bát Tràng rộng mênh mông. Hai mặt sân còn lại là hai dãy nhà cũng bằng gỗ lim, lợp rạ, để chứa thóc lúa và nhà làm gạo, kế liền là hai gian chuồng trâu...

Ông Chánh chân đưa võng cót két, ngửa mặt nhìn lên trần nhà, xà nhà. Những câu đối khảm xà cừ treo lủng lẳng trên mấy hàng cột. Áp vách tường một vài cái độc bình bằng sứ Giang Tây, để trên những chiếc đôn bằng gụ, khảm xà cừ. Tính ông thích sưu tầm đồ cổ, đồ sứ, đồ gốm, hay những bức tranh Tàu có giá trị. Ông “chúoc” về để chưng cho hãnh diện với bà con. Ông nhìn xuống chiếc độc bình bằng sứ Giang Tây bóng loáng lại có những vết rạn như trứng gà ung. Ông bảo cái này mới thật là đồ quý báu. Nhiều người có tiền cũng không mua được, mà ông lại may mắn mua được, mới sướng chứ. Chẳng là năm ngoái có cuộc hội chợ “đấu xảo” ở vườn Bách Thảo, ông theo người em lên đó chơi. Mấy hôm lang thang ở Hà Nội, ông mua được cái độc bình này với giá hơn ngàn bạc. Ông bảo hơn ngàn bạc cũng là đi đứt gần hai mẫu tư điền, hai mẫu ruộng một cái độc bình, chắc anh Tổng Trúc chẳng có tiền mà “đưa” với mình, nghĩ đến đây, ông lại khoái chí xoa xoa tay lên cằm sờ mấy sợi râu râu đen, nửa trắng.

Trên xà nhà hai con chuột cống cứ đuổi nhau chí chöhe, chạy đi, chạy lại, cứ con này gần bắt được con kia thì nó lại chạy qua xà dọc. Hết dọc rồi đến ngang, bắt ngờ con chuột cái rớt đài rơi tòm ngay xuống cái độc bình quý của ông.

- Con bà mày! thế là mày chết với ông.

Ông kêu bà vợ đang nằm “phè cánh nhọn” trên chiếc sập gụ ở gian bên cạnh, đứng dậy phụ ông bắt “kẻ thù”, vì chúng không những là những kẻ thù của ông, mà còn là kẻ thù của tất cả nhà nông. Hai ông bà ôm cái độc bình xuống đất, nhưng khi nghe tiếng sột soạt trong bình, ông nhìn vào mới “tá hỏa tam tinh” ra. Một mớ truyền đơn của Cộng sản, có cả tờ báo Cứu Quốc, bằng giấy màu xanh xanh, bên góc trên phía bên trái có in hình lá cờ búa liềm. Biểu tượng của đảng cộng sản Sô Viết.

Ông thả ngay con chuột đó ra, và đem mớ truyền đơn xuống bếp, tự tay ông tiêu hủy và định bụng ngày mai sẽ sai thằng Phó Ba, cháu ông, xuống tận Đồng Xâm, ở phủ Thái Ninh, làm cho ông một con chuột thật lớn bằng đồng xanh mạ vàng, đem về ông để trên bàn thờ gia tiên, ngay giữa nhà. Mỗi khi đi ra, đi vào nhìn thấy con chuột cứu mạng, ông lại “A Di Đà Phật” “Cứu khổ cứu nạn. Đại Từ Đại, Đại Bi”. Ông tin là Trời có mắt. Trời thương người hiền lương”

Hôm sau bà vợ đi chợ mua cho ông một cái thủ lợn thật to, và một con lợn quay, về làm bữa cỗ mời anh em, bè bạn đến chia sẻ nỗi vui mừng của ông, qua cơn tai bay vạ gió. Trong lúc cả nhà đang vui vẻ chén chú chén bác, thì người nhà ông vào báo:

- Có quan huyện đến.

Ông vội chạy vào trong nhà chụp cái khăn lượt lên đầu và khoác cái áo the đen ra nghênh tiếp.

Ông Huyện vào đề ngay:

- Có người báo, nhà thầy chữa đồ quốc cấm, và truyền đơn cộng sản.

Ông Chánh dẫn quan phụ mẫu và đoàn tùy tùng cả chục người đi vào trong nhà lục lọi, hết phòng nọ đến phòng kia, cả trên lầu trên gác cũng chẳng bắt được gì. Sau cùng tên nội công Phó Lý Ba ra hiệu cho người cai lệ đến gần chiếc độc bình quý của ông. Hai người khệ nệ khiêng chiếc lọ xuống để tìm xem có gì trong đó không? Nhưng các cậu đều ngay mặt ra như cán tà, vì trong đó chẳng có gì, chỉ có một con chuột cống chạy vọt ra ngoài sân mất tích.

Mô Phật, thế là thoát ách tai ương, ông Lưu lại có dịp tụng kinh niệm Phật, và ăn chay trường, để tạ ơn. Nhưng mà gọi là ăn chay, chớ với ông thì thịt gà, thịt lợn, ông đánh tì tì. Ông bảo ăn chay là ở cái lòng của mình thôi, còn ăn cá ăn thịt là để nuôi sự sống, như lời Thánh Kinh Chúa đã phán: "Các con ăn chay thì đừng có mặt mày nhăn nhó ủ rũ, mà phải vui tươi và tắm rửa sạch sẽ, đi phe phẩy ngoài đường cho người ta trông thấy."

Ông mỉm miệng cười tự nhủ: "Thì ra mình cũng còn nhớ Thánh Kinh đấy chứ?" Ông tuy học thức thì khiêm nhượng, nhưng được cái ông hay để ý nghe và học hỏi, nên nhiều người mới biết ông thì phục lẫn ra. Ông có tài biến báo lanh lợi. Một hôm có người dân đưa trình ông một lá đơn để thưa kiện gì đó. Ông mới cầm tờ giấy còn xoay qua, xoay lại, xoay dọc, xoay ngang, chưa biết chỗ nào là trên, chỗ nào là dưới, thằng tà lọt của ông đứng bên cạnh, khẽ nhắc ông.- CỤ cầm đơn ngược rồi ạ!

Ông quay lại nạt nó:

-Láo! Tao dốc cổ nó xuống tao lấy tiền đấy chứ!

Suy ra, ngày xưa ngày xưa, khi làm Tổng, Lý chẳng phải học hành chữ nghĩa gì mảy, cứ có nhiều tiền, nhiều bạc là cái gì cũng xong.